

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NGÔ QUYỀN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27-9-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Mão

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 658/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 715/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; nơi cư trú: Số B (số mới 7) đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Chân C; nơi cư trú: Số B (số mới 7) đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ dân sự ly hôn và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Chân C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, đám cưới tổ chức theo phong tục Việt Nam. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 18/9/2001 tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Hải Phòng.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không có hạnh phúc, chị T đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Chân C.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Chân C có hai con chung là Nguyễn Thúy V, sinh ngày 09/8/2001 và Nguyễn Thúy N, sinh ngày 11/11/2005. Các con đều đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Chân C vắng mặt tại các phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có quan điểm theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T nhưng trong hồ sơ có tài liệu thể hiện việc Toà án đã tổng đạt các Thông báo, Quyết định cho anh C.

\* Quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về cuộc sống hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Chân C. Các lời khai đại diện gia đình cũng như đại diện của chính quyền địa phương thể hiện cuộc sống chung của anh chị có mâu thuẫn, đã sống ly thân và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

\* Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Toà án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Chân C. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Chân C có hai con chung là Nguyễn Thúy V, sinh ngày 09/8/2001 và Nguyễn Thúy N, sinh ngày 11/11/2005. Các con đều đã trưởng thành, chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Chân C có nơi cư trú trên địa bàn quận N, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Toà án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Điều kiện và quá trình kết hôn như chị Nguyễn Thị T đã trình bày, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Chân C là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hoà thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Gia đình cũng đã hoà giải nhưng không có kết quả. Chị T và anh C đã sống ly thân không còn liên quan về tình cảm cũng như về kinh tế. Hội đồng xét xử xét thấy, vì khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[4] Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Chân C có hai con chung là Nguyễn Thúy V, sinh ngày 09/8/2001 và Nguyễn Thúy N, sinh ngày 11/11/2005. Các con đều đã trưởng thành, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về việc chia tài sản:

[5] Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[6] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.  
Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; **khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228**; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Chân C.

2. Về việc nuôi con:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Chân C có hai con chung là Nguyễn Thúy V, sinh ngày 09/8/2001 và Nguyễn Thúy N, sinh ngày 11/11/2005. Các con đều đã trưởng thành, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về việc chia tài sản:

Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003156 ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Chân C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Máy Tơ, Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (GCNKH ngày 18/9/2001);
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Phương**